TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1047/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 171A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày, giữa bà M và ông Nguyễn Văn T do tự tìm hiểu, sống chung như vợ chồng từ năm 2020, tổ chức đám cưới từ năm 2020, sau khi cưới thì hai vợ chồng chung sống tại nhà chồng, sau khi mâu thuẫn từ tháng 08/2022 đến nay cả chị chị M, anh T chuyển về nhà cha, mẹ ruột

của chị M sống. Đến năm 2021 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chung sống hạnh phúc được thời gian, sau khi sinh con cháu Nguyễn Cát T1 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: hai vợ chồng do tài chính giữa cả hai không ổn định, mọi chuyện do một mình chị M làm, lo cho gia đình, anh T không lo làm ăn, không lo cuộc sống gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp.

Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nên khoảng 02 tháng nay thì vợ chồng không còn chung sống, trong thời gian sống ly thân này anh T không hỏi han, cũng như quan T đến mẹ con chị; trong thời gian tết vừa qua anh T cũng không qua lại nhà để hàn gắn tình cảm vợ chồng; hiện nay anh T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang sống, thỉnh thoảng anh T có đi làm cùng cha mẹ chồng của chị.

- Về con chung: Giữa chị M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Cát T1, sinh ngày 07/9/2021. Sau khi ly hôn đề nghị nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị M đang làm công việc tự do, buôn bán hàng online, thu nhập cũng ổn định, nên đủ điều kiện để nuôi con; thu nhập bình quân tháng khoảng 6.000.000đồng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Ngọc M, trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M với ông Nguyễn Văn T;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Cát T1, sinh ngày 07/9/2021 cho bà Nguyễn Ngọc M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới theo biên bản xác minh của cán bộ Tòa án, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông T đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng, ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Văn T kết hôn do tự tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, bà M và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà M khẳng định không còn tình cảm với ông T, do cả hai có nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên ăn nhậu, từ giữa năm 2022 thường xuyên mâu thuẫn, cũng như có thời gian tự sống ly thân, tại phiên tòa bà M khẳng định không còn tình cảm với ông T, do ông T có sử dụng chất cấm, không lo toan cho gia đình, bản thân bà phải một mình lo cho cuộc sống của hai mẹ con. Xét thấy, hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gần gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, nhưng giữa bà M với ông T đã không còn sự chia sẻ, thường xuyên có những bất đồng, bà M cũng không còn tình cảm, nên việc xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Hơn nữa, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà M, ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, như vậy ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà M. Do vậy, hôn nhân giữa bà M và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa bà Nguyễn Ngọc M với ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Cát T1, sinh ngày 07/9/2021, khi ly hôn bà M đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, con chung đang sống với bà M ổn định, phát triển tốt về thể chất, tinh thần, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, nên việc bà M đề nghị nuôi con là phù hợp quy định pháp luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất để

đảm bảo cuộc sống cho cháu T1, nên giao cháu T1 cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 238, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T;

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 15 tháng 4 năm 2022 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Văn T, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Ngọc M với ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Cát T1, sinh ngày 07/9/2021. Bà Nguyễn Ngọc M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Cát T1, sinh ngày 07/9/2021. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà M không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Bà M không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013128 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022; bà Nguyễn Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Ngọc M có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng ông Nguyễn Văn T, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên